

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST
Ngày 07 - 3- 2025
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Thuần và ông Trần Văn Học
- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 17/2024/TLST- KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST – KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng, Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh Y (theo quyết định số 2665/QĐ-NHNo.YL-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022); người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn Tr, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch N (theo giấy ủy quyền số 216/GUQ- NHNo.YL ngày 01 tháng 10 năm 2024), có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: thôn X, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2024, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/12/2019 Ngân hàng N chi nhánh Y - Phòng giao dịch N (từ nay viết tắt là Ngân hàng Nông nghiệp) đã cho vợ chồng anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị S vay số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: 2803LAV201904113 để mua bán vật liệu xây dựng, phương thức cho vay theo hạn mức, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng, lãi suất 9,0%/năm, lãi quá hạn = 150% lãi thỏa thuận, lãi chậm trả = 10%/năm.

Để đảm bảo khoản vay, anh T, chị S đã thế chấp quyền sử dụng 80m² đất ở cùng tài sản gắn liền với đất tại thửa số 746, tờ bản đồ 19 thôn X, xã N, huyện Y, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 082417, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00982 ngày 16/5/2019 đứng tên anh Bùi Văn T. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 192/HĐTC ngày 24/12/2019, được văn phòng công

chứng Mạnh Anh công chứng số 3838/2019, quyền số 04/2019 TP/CC-SCC/HĐGD.

Tính đến ngày 07/3/2025 anh T, chị S còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp: 897.710.136đồng. Trong đó gốc: 600.000.000đ; lãi: 297.710.136đồng (lãi trong hạn: 204.948.492đồng; lãi quá hạn: 92.761.644đồng). Nay Ngân hàng Nông nghiệp yêu cầu:

- Buộc anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị S trả Ngân hàng Nông nghiệp toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 07/3/2025 là 897.710.136đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 08/3/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc.

- Trường hợp anh T, chị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Nông nghiệp có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 192/HĐTC ngày 24/12/2019 để thu hồi nợ.

- Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì anh T, chị S phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp bằng các nguồn tài sản khác cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị S đã được Tòa án làm các thủ tục triệu tập hợp lệ nhiều lần. Anh T, chị S biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án (nhiều lần trực tiếp nhận giấy triệu tập, văn bản của Tòa án) nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị S trả Ngân hàng Nông nghiệp số tiền 897.710.136đồng cùng lãi suất đối với khoản tiền gốc kể từ ngày 08/3/2025 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp anh T, chị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn. Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng Nông nghiệp có đơn khởi kiện đối với anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị S về tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại. Bị đơn cư trú tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y đã thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp để giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến và không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nhưng bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần tiếp

theo. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[3]. Về nội dung khởi kiện:

[3.1]. Theo Hợp đồng tín dụng số 2803LAV201904113 ngày 24/12/2019 ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp với anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị S, tính đến ngày 07/3/2025 anh T, chị S còn nợ Ngân hàng nông nghiệp 897.710.136đồng. Trong đó gốc: 600.000.000đ; lãi: 297.710.136đồng (lãi trong hạn: 204.948.492đồng; lãi quá hạn: 92.761.644đồng).

Ngân hàng Nông nghiệp yêu cầu anh T, chị S trả số tiền trên cùng lãi suất phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 08/3/2025 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp anh T, chị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Nông nghiệp có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 192/HĐTC ngày 24/12/2019 để thu hồi nợ.

[3.2]. Xét Hợp đồng tín dụng số: 2803LAV201904113 ngày 24/12/2019 được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp với anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị S là tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội. Nội dung, hình thức hợp đồng phù hợp quy định tại các Điều 117, 118, 119, 463 Bộ luật dân sự; các Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng nên các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng Nông nghiệp đã giải ngân cho anh T, chị S vay 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) để kinh doanh. Anh T, chị S không trả nợ đúng kỳ hạn. Tính đến ngày 07/3/2025 anh T, chị S còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp 897.710.136đ. Trong đó gốc: 600.000.000đ; lãi: 297.710.136đ (lãi trong hạn: 204.948.492đ; lãi quá hạn: 92.761.644đ). Như vậy, Ngân hàng Nông nghiệp đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Anh T, chị S vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh T, chị S có nghĩa vụ trả Ngân hàng Nông nghiệp số tiền 897.710.136đồng cùng lãi phát sinh của khoản nợ gốc kể từ ngày 08.3.2025 cho đến khi thanh toán xong theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

[3.3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 80m² đất ở cùng tài sản gắn liền với đất tại thửa số 746, tờ bản đồ 19 thôn X, xã N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 082417 ngày 16/5/2019 đứng tên anh Bùi Văn T để thu hồi vốn trong trường hợp anh T, chị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 27/11/2024, Tòa án cùng các cơ quan hữu quan và đương sự tiến hành xem xét, đo đạc thẩm định tại chỗ tài sản thể hiện: Thửa số 746, tờ bản đồ 19 thôn X, xã N có diện tích 80m² cùng tài sản trên đất là 01 nhà 02 tầng, mỗi tầng 72m² mái lợp tôn; 8,6m² sân gạch đỏ; 02 trụ cổng + 02 cánh cổng sắt; 02 đoạn tường bao loan cao 1,2m, dài 5,8m; 01 đoạn tường bao loan dài 2,3m, cao 0,5m, phía trên có gắn hàng rào thép cao 1,2m. Toàn bộ thửa đất và tài sản gắn liền với đất vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh T, chị S. Đất không thuộc trường hợp bị thu hồi, không có tranh chấp.

Để đảm bảo khoản vay, anh T, chị S đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 192/HĐTC ngày 24/12/2019 được ký giữa anh T, chị S với Ngân hàng Nông nghiệp là tự nguyện, được công chứng số 3838/2019, quyền số 04/2019 TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng Mạnh Anh, về hình thức, nội dung, mục đích, quyền và trách nhiệm của các bên (bên nhận thế chấp, bên thế chấp) phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ hướng dẫn về giao dịch đảm bảo nên các bên phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo nội dung đã thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp. Trường hợp anh T, chị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền đã vay thì theo quy định tại các Điều 299, 323 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Đối với anh T, chị S quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Điều đó chứng tỏ anh T, chị S đã từ bỏ thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tài sản và đo đạc: Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ và không yêu cầu xem xét nên Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ theo quy định của pháp luật.

[7]. Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 299, 317, 318, 319, 323, 351, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị S.

Buộc anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị S trả Ngân hàng N số tiền tính đến ngày 07/3/2025 là 897.710.136đồng. Trong đó gốc: 600.000.000đ; lãi: 297.710.136đồng (lãi trong hạn: 204.948.492đ; lãi quá hạn: 92.761.644đ) và tiếp tục trả lãi phát sinh của khoản nợ gốc kể từ ngày 08.3.2025 cho đến khi thanh toán xong theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2803LAV201904113 ngày 24/12/2019.

Trường hợp anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 80m² đất ở tại thửa 746, tờ bản đồ 19 thôn X, xã N, huyện Y, Vĩnh Phúc cùng toàn bộ tài sản trên đất gồm 01 nhà 02 tầng, mỗi tầng 72m² mái lợp tôn; 8,6m² sân gạch đỏ; 02 trụ cổng + 02 cánh cổng sắt; 02 đoạn tường bao loan cao 1,2m, dài 5,8m; 01

đoạn tường bao loan dài 2,3m, cao 0,5m, phía trên có gắn hàng rào thép cao 1,2m để thu hồi nợ (có sơ đồ kèm theo).

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị S vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp cho đến khi tất toán các khoản vay.

2. Về án phí: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị S phải nộp 38.931.000đ (ba mươi tám triệu chín trăm ba mươi một nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.900.000đ (mười tám triệu chín trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003440 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Lưu